

**DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH**

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

**Phòng thi số 1 (501 - tầng 5 nhà K)**

Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025

| STT | SBD    | HỌ              | TÊN | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH  | NƠI SINH    | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|-----|--------|-----------------|-----|-----------|------------|-------------|--------|---------|
| 1   | B00001 | Vũ Trường       | An  | Nữ        | 25.12.2003 | Nghệ An     |        |         |
| 2   | B00002 | Nguyễn Thu      | An  | Nữ        | 02.11.2004 | Thái Nguyên |        |         |
| 3   | B00003 | Nguyễn Thảo     | An  | Nữ        | 20.09.2004 | Nam Định    |        |         |
| 4   | B00004 | Cao Lan         | Anh | Nữ        | 16.07.2000 | Thanh Hóa   |        |         |
| 5   | B00005 | Chu Ngọc        | Anh | Nữ        | 28.10.2004 | Hà Nội      |        |         |
| 6   | B00006 | Lý Thảo         | Anh | Nữ        | 25.11.2003 | Lào Cai     |        |         |
| 7   | B00007 | Nguyễn Đình     | Anh | Nam       | 15.01.2003 | Hà Tây      |        |         |
| 8   | B00008 | Hoàng Đức       | Anh | Nam       | 30.01.2003 | Thanh Hóa   |        |         |
| 9   | B00009 | Bùi Triệu       | Anh | Nam       | 13.04.2004 | Yên Bái     |        |         |
| 10  | B00010 | Vũ Tuấn         | Anh | Nam       | 15.01.2003 | Nam Định    |        |         |
| 11  | B00011 | Nguyễn Trâm     | Anh | Nữ        | 06.12.2003 | Thái Bình   |        |         |
| 12  | B00012 | Trần Thị Phương | Anh | Nữ        | 14.05.2003 | TP. HCM     |        |         |
| 13  | B00013 | Bùi Ngọc        | Anh | Nữ        | 19.10.2004 | Hòa Bình    |        |         |
| 14  | B00014 | Đinh Thị Vân    | Anh | Nữ        | 29.10.2004 | Hải Phòng   |        |         |
| 15  | B00015 | Đặng Việt       | Anh | Nam       | 17.05.2002 | LB Nga      |        |         |
| 16  | B00016 | Lê Quỳnh        | Anh | Nữ        | 12.08.2004 | Hà Nội      |        |         |
| 17  | B00017 | Lê Ngọc         | Anh | Nữ        | 03.02.2004 | Vĩnh Phúc   |        |         |
| 18  | B00018 | Vũ Lương        | Anh | Nữ        | 14.04.2004 | Hải Dương   |        |         |
| 19  | B00019 | Đinh Thị Minh   | Anh | Nữ        | 12.07.2004 | Hải Dương   |        |         |
| 20  | B00020 | Đặng Tuyết      | Anh | Nữ        | 19.06.2003 | Hà Nội      |        |         |
| 21  | B00021 | Nguyễn Thị Hà   | Anh | Nữ        | 07.03.2003 | Vĩnh Phúc   |        |         |
| 22  | B00022 | Trần Phương     | Anh | Nữ        | 08.06.2004 | Hà Nội      |        |         |
| 23  | B00023 | Đỗ Thị Ngọc     | Ánh | Nữ        | 15.08.2004 | Vĩnh Phúc   |        |         |
| 24  | B00024 | Phạm Ngọc       | Ánh | Nữ        | 05.06.2004 | Hà Tây      |        |         |

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

Số thí sinh dự thi:

**Giám thị 1**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH**  
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

**Phòng thi số 2 (502 - tầng 5 nhà K)**

Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025

| STT | SBD    | HỌ                | TÊN   | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|-----|--------|-------------------|-------|-----------|------------|------------|--------|---------|
| 1   | B00025 | Lê Ngọc           | Bảo   | Nam       | 26.07.2004 | Thanh Hóa  |        |         |
| 2   | B00026 | Hoàng Ngọc        | Bích  | Nữ        | 02.02.2004 | Hà Giang   |        |         |
| 3   | B00027 | Lê Đức            | Biểu  | Nam       | 01.01.2004 | Phú Thọ    |        |         |
| 4   | B00028 | Vũ Thái           | Bình  | Nam       | 20.12.2004 | Thái Bình  |        |         |
| 5   | B00029 | Nguyễn Mạnh       | Cường | Nam       | 29.10.2004 | Nam Định   |        |         |
| 6   | B00030 | Nguyễn Phú        | Cường | Nam       | 13.04.2003 | Hà Nội     |        |         |
| 7   | B00031 | Tô Bảo            | Châu  | Nữ        | 30.11.2003 | Thái Bình  |        |         |
| 8   | B00032 | Lưu Phạm Thùy     | Chi   | Nữ        | 02.09.2004 | Nam Định   |        |         |
| 9   | B00033 | Phạm Khánh        | Chi   | Nữ        | 15.12.2003 | Hải Phòng  |        |         |
| 10  | B00034 | Nguyễn Thị Khánh  | Chi   | Nữ        | 11.09.2002 | Hải Dương  |        |         |
| 11  | B00035 | Đinh Thị Kim      | Chung | Nữ        | 06.01.2004 | Quảng Ninh |        |         |
| 12  | B00036 | Nguyễn Thị        | Diệp  | Nữ        | 22.11.2003 | Nam Định   |        |         |
| 13  | B00037 | Lương Thị         | Dịu   | Nữ        | 16.12.2004 | Nghệ An    |        |         |
| 14  | B00038 | Nguyễn Trọng Việt | Dũng  | Nam       | 06.03.2004 | Hà Nội     |        |         |
| 15  | B00039 | Nguyễn Đào Quang  | Duy   | Nam       | 01.12.2003 | Bình Dương |        |         |
| 16  | B00040 | Nguyễn Thúy       | Dương | Nữ        | 03.12.2004 | Thái Bình  |        |         |
| 17  | B00041 | Lê Quang          | Dương | Nam       | 28.08.2004 | Hà Nội     |        |         |
| 18  | B00042 | Nguyễn Thùy       | Dương | Nữ        | 05.02.2003 | Bắc Ninh   |        |         |
| 19  | B00043 | Khuất Nguyên      | Đại   | Nam       | 12.08.1973 | Hà Bắc     |        |         |
| 20  | B00044 | Lê Hồng           | Đăng  | Nam       | 23.05.2000 | Lào Cai    |        |         |
| 21  | B00045 | Trương Hữu        | Đăng  | Nam       | 13.08.2004 | Vĩnh Phúc  |        |         |
| 22  | B00046 | Nguyễn Mạnh       | Đức   | Nam       | 24.06.2002 | Phú Thọ    |        |         |
| 23  | B00047 | Trần Minh         | Đức   | Nam       | 26.12.2003 | Hà Nội     |        |         |
| 24  | B00048 | Trần Thị Trà      | Giang | Nữ        | 26.02.2002 | Hà Tĩnh    |        |         |

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

Số thí sinh dự thi:

**Giám thị 1**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH**

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

**Phòng thi số 3 (503 - tầng 5 nhà K)**

*Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025*

| STT | SBD    | HỌ               | TÊN   | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH  | NƠI SINH  | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|-----|--------|------------------|-------|-----------|------------|-----------|--------|---------|
| 1   | B00049 | Vũ Hương         | Giang | Nữ        | 30.09.2004 | Hưng Yên  |        |         |
| 2   | B00050 | Vũ Thu           | Giang | Nữ        | 27.09.2002 | Hải Dương |        |         |
| 3   | B00051 | Lê Thị Hương     | Giang | Nữ        | 10.10.2003 | Hà Nội    |        |         |
| 4   | B00052 | Trần Thị Hà      | Giang | Nữ        | 18.08.2004 | Thanh Hóa |        |         |
| 5   | B00053 | Nguyễn Thị Thu   | Hà    | Nữ        | 20.09.2004 | Hưng Yên  |        |         |
| 6   | B00054 | Nguyễn Thị Hoàng | Hà    | Nữ        | 10.09.2003 | Hòa Bình  |        |         |
| 7   | B00055 | Nguyễn Thị Thu   | Hà    | Nữ        | 06.10.2003 | Thanh Hóa |        |         |
| 8   | B00056 | Nguyễn Thị Thu   | Hà    | Nữ        | 25.08.2004 | Nghệ An   |        |         |
| 9   | B00057 | Lê Thị Minh      | Hà    | Nữ        | 24.12.2003 | Hà Nội    |        |         |
| 10  | B00058 | Nguyễn Thanh     | Hà    | Nữ        | 03.12.2004 | Hà Nội    |        |         |
| 11  | B00059 | Lương Thị Ngọc   | Hà    | Nữ        | 14.09.2003 | Sơn La    |        |         |
| 12  | B00060 | Nguyễn Trần Thu  | Hà    | Nữ        | 27.06.2003 | Nam Định  |        |         |
| 13  | B00061 | Nguyễn Pờ Hồng   | Hà    | Nữ        | 14.10.2004 | Điện Biên |        |         |
| 14  | B00062 | Nguyễn Minh      | Hải   | Nam       | 10.11.2004 | Hà Nội    |        |         |
| 15  | B00063 | Nguyễn Thu       | Hải   | Nữ        | 05.03.2003 | Hà Nội    |        |         |
| 16  | B00064 | Trần Văn         | Hạnh  | Nam       | 24.07.2002 | Hải Dương |        |         |
| 17  | B00065 | Nguyễn Thị Hồng  | Hạnh  | Nữ        | 10.07.1997 | Hưng Yên  |        |         |
| 18  | B00066 | Vi Thị Huyền     | Hảo   | Nữ        | 04.06.2004 | Nghệ An   |        |         |
| 19  | B00067 | Hoàng Thúy       | Hằng  | Nữ        | 08.08.1990 | Hải Phòng |        |         |
| 20  | B00068 | Nguyễn Thị Thu   | Hằng  | Nữ        | 15.04.2000 | Hà Nội    |        |         |
| 21  | B00069 | Bùi Thị          | Hiền  | Nữ        | 15.06.2000 | Thanh Hóa |        |         |
| 22  | B00070 | Nguyễn Thị       | Hiền  | Nữ        | 25.08.2004 | Ninh Bình |        |         |
| 23  | B00071 | Lê Thị           | Hiền  | Nữ        | 10.08.2004 | Thanh Hóa |        |         |
| 24  | B00072 | Đỗ Khánh         | Hiền  | Nữ        | 13.12.2004 | Hà Nội    |        |         |

Số thí sinh theo danh sách: 24

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....*

Số thí sinh dự thi:

**Giám thị 1**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH**

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

**Phòng thi số 4 (504 - tầng 5 nhà K)**

*Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025*

| STT | SBD    | HỌ               | TÊN   | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH  | NƠI SINH        | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|-----|--------|------------------|-------|-----------|------------|-----------------|--------|---------|
| 1   | B00073 | Đào Hoàng        | Hiệp  | Nam       | 23.05.2004 | Phú Thọ         |        |         |
| 2   | B00074 | Nguyễn Đức       | Hiếu  | Nam       | 05.10.2003 | Hà Nội          |        |         |
| 3   | B00075 | Trương Quỳnh     | Hoa   | Nữ        | 16.01.2003 | Hà Nội          |        |         |
| 4   | B00076 | Kiều Thanh       | Hoa   | Nữ        | 29.08.2003 | Vĩnh Phúc       |        |         |
| 5   | B00077 | Phạm Thị         | Hồng  | Nữ        | 06.09.2001 | Thanh Hóa       |        |         |
| 6   | B00078 | Phạm Ánh         | Hồng  | Nữ        | 25.05.2005 | Ninh Bình       |        |         |
| 7   | B00079 | Phạm Thị Minh    | Huế   | Nữ        | 29.01.2004 | Hưng Yên        |        |         |
| 8   | B00080 | Lê Mạnh          | Hùng  | Nam       | 05.12.2003 | Hà Tây          |        |         |
| 9   | B00081 | Nguyễn Thị Thanh | Huyền | Nữ        | 19.09.1987 | Hà Nội          |        |         |
| 10  | B00082 | Dương Thị        | Huyền | Nữ        | 10.09.2004 | Hà Tây          |        |         |
| 11  | B00083 | Nguyễn Khánh     | Huyền | Nữ        | 01.06.2004 | Hà Tây          |        |         |
| 12  | B00084 | Trần Thị         | Huyền | Nữ        | 03.06.2004 | Nghệ An         |        |         |
| 13  | B00085 | Trịnh Ngọc       | Hưng  | Nam       | 16.08.2003 | Hà Nam          |        |         |
| 14  | B00086 | Trần Thị Thu     | Hưng  | Nữ        | 13.10.2004 | Thanh Hóa       |        |         |
| 15  | B00087 | Nguyễn Thị       | Hương | Nữ        | 17.03.1994 | Hải Dương       |        |         |
| 16  | B00088 | Nguyễn Thị Mai   | Hương | Nữ        | 02.04.2001 | Phú Thọ         |        |         |
| 17  | B00089 | Mâu Thị Thu      | Hương | Nữ        | 09.11.2002 | Hà Tây          |        |         |
| 18  | B00090 | Nguyễn Thu       | Hương | Nữ        | 20.04.2004 | Thanh Hóa       |        |         |
| 19  | B00091 | Phạm Ngọc        | Hương | Nữ        | 09.07.2004 | TP. Hồ Chí Minh |        |         |
| 20  | B00092 | Lưu Thị          | Hường | Nữ        | 20.09.2004 | Hà Tây          |        |         |
| 21  | B00093 | Nguyễn Thị       | Hường | Nữ        | 08.12.2003 | Hà Tây          |        |         |
| 22  | B00094 | Vàng Đức         | Kim   | Nam       | 29.09.2002 | Hà Giang        |        |         |

Số thí sinh theo danh sách: 22

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....*

Số thí sinh dự thi:

**Giám thị 1**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH**  
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

**Phòng thi số 5 (505 - tầng 5 nhà K)**

Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025

| STT | SBD    | HỌ                 | TÊN  | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH  | NƠI SINH  | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|-----|--------|--------------------|------|-----------|------------|-----------|--------|---------|
| 1   | B00095 | Nguyễn Hương       | Lan  | Nữ        | 10.12.2004 | Nam Định  |        |         |
| 2   | B00096 | Nông Thị Ngọc      | Lan  | Nữ        | 02.04.2004 | Cao Bằng  |        |         |
| 3   | B00097 | Võ Văn             | Lập  | Nam       | 11.04.2004 | Nghệ An   |        |         |
| 4   | B00098 | Phạm Thị           | Liên | Nữ        | 20.01.2004 | Gia Lai   |        |         |
| 5   | B00099 | Nguyễn Trịnh Hương | Liên | Nữ        | 20.09.2002 | Hưng Yên  |        |         |
| 6   | B00100 | Trần Thị Thùy      | Linh | Nữ        | 18.10.2004 | Hà Tĩnh   |        |         |
| 7   | B00101 | Vũ Thị             | Linh | Nữ        | 21.09.2003 | Thanh Hóa |        |         |
| 8   | B00102 | Đinh Thị Phùng     | Linh | Nữ        | 02.03.2004 | Sơn La    |        |         |
| 9   | B00103 | Đinh Thị Phương    | Linh | Nữ        | 10.04.2003 | Nam Định  |        |         |
| 10  | B00104 | Phạm Thị Diệu      | Linh | Nữ        | 16.01.2004 | Nam Định  |        |         |
| 11  | B00105 | Trần Thùy          | Linh | Nữ        | 05.01.2004 | Nam Định  |        |         |
| 12  | B00106 | Nguyễn Thành       | Luân | Nam       | 03.06.2001 | Lào Cai   |        |         |
| 13  | B00107 | Nguyễn Thị Khánh   | Ly   | Nữ        | 13.12.2001 | Nghệ An   |        |         |
| 14  | B00108 | Thân Ngọc          | Mai  | Nữ        | 11.12.2003 | Bắc Giang |        |         |
| 15  | B00109 | Dương Thị Quỳnh    | Mai  | Nữ        | 02.01.2005 | Hà Tĩnh   |        |         |
| 16  | B00110 | Hồng Ngọc          | Minh | Nữ        | 15.10.2004 | Hà Nội    |        |         |
| 17  | B00111 | Đàm Quang          | Minh | Nam       | 07.12.2003 | Hà Nội    |        |         |
| 18  | B00112 | Võ Lê              | Na   | Nữ        | 05.09.2003 | Nghệ An   |        |         |
| 19  | B00113 | Đặng Thị Lê        | Na   | Nữ        | 07.09.2003 | Nghệ An   |        |         |
| 20  | B00114 | Vũ Hoàng           | Nam  | Nam       | 01.10.2003 | Hà Nội    |        |         |
| 21  | B00115 | Phạm Hải           | Nam  | Nam       | 06.05.2002 | Hà Nam    |        |         |
| 22  | B00116 | Hoàng Hải          | Nam  | Nam       | 27.07.2004 | Hải Phòng |        |         |

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

Số thí sinh dự thi:

**Giám thị 1**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH**  
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

**Phòng thi số 6 (506 - tầng 5 nhà K)**

*Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025*

| STT | SBD    | HỌ               | TÊN    | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH  | NƠI SINH    | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|-----|--------|------------------|--------|-----------|------------|-------------|--------|---------|
| 1   | B00117 | Ngô Chí Phương   | Nam    | Nam       | 01.02.2003 | Vũng Tàu    |        |         |
| 2   | B00118 | Đặng Thị         | Nga    | Nữ        | 19.03.2004 | Thái Bình   |        |         |
| 3   | B00119 | Trương Thị       | Nga    | Nữ        | 01.08.2003 | Hà Tây      |        |         |
| 4   | B00120 | Đặng Quỳnh       | Nga    | Nữ        | 18.09.2004 | Nghệ An     |        |         |
| 5   | B00121 | Nguyễn Thị Quỳnh | Ngân   | Nữ        | 20.10.2004 | Nghệ An     |        |         |
| 6   | B00122 | Nguyễn Thị Ánh   | Ngọc   | Nữ        | 11.06.1998 | Thái Nguyên |        |         |
| 7   | B00123 | Khuất Thị        | Ngọc   | Nữ        | 10.10.2004 | Hà Nội      |        |         |
| 8   | B00124 | Vũ Thị           | Ngọc   | Nữ        | 02.01.2004 | Thanh Hóa   |        |         |
| 9   | B00125 | Phạm Thị Hoài    | Ngọc   | Nữ        | 12.03.2004 | Nam Định    |        |         |
| 10  | B00126 | Trịnh Minh       | Ngọc   | Nữ        | 24.09.2003 | Thái Bình   |        |         |
| 11  | B00127 | Vũ Thị Hồng      | Ngọc   | Nữ        | 29.08.2003 | Hà Nội      |        |         |
| 12  | B00128 | Tạ Thị Ánh       | Ngọc   | Nữ        | 03.09.2004 | Vĩnh Phúc   |        |         |
| 13  | B00129 | Trương Thị       | Nguyệt | Nữ        | 08.04.2003 | Nghệ An     |        |         |
| 14  | B00130 | Lê Thị           | Nhi    | Nữ        | 27.07.2003 | Thanh Hóa   |        |         |
| 15  | B00131 | Phan Thị Bảo     | Nhi    | Nữ        | 08.11.2005 | Hà Tĩnh     |        |         |
| 16  | B00132 | Hoàng Lê Tuyết   | Nhi    | Nữ        | 02.04.2003 | Hà Tĩnh     |        |         |
| 17  | B00133 | Nguyễn Thị Hồng  | Nhung  | Nữ        | 28.10.2004 | Bình Dương  |        |         |
| 18  | B00134 | Nguyễn Hồng      | Nhung  | Nữ        | 19.11.2003 | Hà Nội      |        |         |
| 19  | B00135 | Trần Thị Hồng    | Nhung  | Nữ        | 14.11.2003 | Ninh Bình   |        |         |
| 20  | B00136 | Vũ Xuân          | Phi    | Nam       | 21.02.2001 | Hải Dương   |        |         |
| 21  | B00137 | Vũ Trường Ánh    | Phương | Nữ        | 08.11.2004 | Hải Dương   |        |         |
| 22  | B00138 | Nguyễn Thị Minh  | Phương | Nữ        | 02.04.2004 | Phú Thọ     |        |         |

Số thí sinh theo danh sách: 22

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....*

Số thí sinh dự thi:

**Giám thị 1**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH**  
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

**Phòng thi số 7 (507 - tầng 5 nhà K)**

*Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025*

| STT | SBD    | HỌ               | TÊN    | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH  | NƠI SINH    | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|-----|--------|------------------|--------|-----------|------------|-------------|--------|---------|
| 1   | B00139 | Phan Thị Hiền    | Phuong | Nữ        | 15.12.2003 | Hà Tĩnh     |        |         |
| 2   | B00140 | Vũ Thị Nam       | Phuong | Nữ        | 08.06.2003 | Hòa Bình    |        |         |
| 3   | B00141 | Đỗ Thị Kim       | Phuong | Nữ        | 03.03.2004 | Đồng Nai    |        |         |
| 4   | B00142 | Nguyễn Nhật      | Quang  | Nam       | 07.08.2004 | Lạng Sơn    |        |         |
| 5   | B00143 | Hoàng Hữu        | Quyên  | Nam       | 12.08.2001 | Cao Bằng    |        |         |
| 6   | B00144 | Hoàng Thị Phương | Quỳnh  | Nữ        | 20.09.1993 | Vĩnh Phúc   |        |         |
| 7   | B00145 | Trần Thị         | Quỳnh  | Nữ        | 28.07.2004 | Hải Dương   |        |         |
| 8   | B00146 | Cao Thị          | Quỳnh  | Nữ        | 02.01.2003 | Thanh Hóa   |        |         |
| 9   | B00147 | Nguyễn Lê Như    | Quỳnh  | Nữ        | 06.09.2004 | Ninh Bình   |        |         |
| 10  | B00148 | Nguyễn Thị       | Tâm    | Nữ        | 15.02.1997 | Vĩnh Phúc   |        |         |
| 11  | B00149 | Nguyễn Thị Minh  | Tâm    | Nữ        | 23.12.2004 | Nghệ An     |        |         |
| 12  | B00150 | Đình Trần        | Tuyên  | Nam       | 06.07.2004 | Ninh Bình   |        |         |
| 13  | B00151 | Vũ Phương        | Thanh  | Nữ        | 19.10.2001 | Nam Định    |        |         |
| 14  | B00152 | Lục Triệu        | Thanh  | Nam       | 04.01.2001 | Cao Bằng    |        |         |
| 15  | B00153 | Trần Việt        | Thanh  | Nam       | 08.11.2001 | Vĩnh Phúc   |        |         |
| 16  | B00154 | Phạm Thị Ngọc    | Thành  | Nữ        | 22.03.2002 | Hà Tĩnh     |        |         |
| 17  | B00155 | Hồ Phương        | Thảo   | Nữ        | 03.11.2000 | Hà Nội      |        |         |
| 18  | B00156 | Vũ Thị Thu       | Thảo   | Nữ        | 1.11.2004  | Hải Dương   |        |         |
| 19  | B00157 | Dương Thị        | Thảo   | Nữ        | 11.11.2004 | Điện Biên   |        |         |
| 20  | B00158 | Lê Ngọc          | Thắng  | Nam       | 25.07.2003 | Hà Nội      |        |         |
| 21  | B00159 | Giàng Thị        | Thân   | Nữ        | 20.02.2004 | Điện Biên   |        |         |
| 22  | B00160 | Lê Thị Khánh     | Thị    | Nữ        | 10.11.2004 | Thanh Hóa   |        |         |
| 23  | B00161 | Phạm Ngọc        | Thiên  | Nam       | 10.04.2002 | Thái Nguyên |        |         |
| 24  | B00162 | Đặng Thị Hà      | Thu    | Nữ        | 16.01.2003 | Thanh Hóa   |        |         |
| 25  | B00163 | Đình Thị Thu     | Thủy   | Nữ        | 23.09.2002 | Hà Tây      |        |         |

Số thí sinh theo danh sách: 25

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....*

Số thí sinh dự thi:

**Giám thị 1**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH**  
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

**Phòng thi số 8 (508 - tầng 5 nhà K)**

*Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025*

| STT | SBD    | HỌ               | TÊN   | GIỚI TÍNH | NGÀY SINH  | NƠI SINH    | KÝ TÊN | GHI CHÚ |
|-----|--------|------------------|-------|-----------|------------|-------------|--------|---------|
| 1   | B00164 | Lý Thu           | Thủy  | Nữ        | 14.10.2004 | Bắc Kạn     |        |         |
| 2   | B00165 | Hoàng Phương     | Thúy  | Nữ        | 11.05.1992 | Quảng Ninh  |        |         |
| 3   | B00166 | Phạm Hoàng Anh   | Thư   | Nữ        | 12.09.2004 | Hải Phòng   |        |         |
| 4   | B00167 | Nguyễn Hà        | Trang | Nữ        | 27.11.2001 | Hải Phòng   |        |         |
| 5   | B00168 | Bùi Thu          | Trang | Nữ        | 03.01.1996 | Hà Nội      |        |         |
| 6   | B00169 | Phạm Thu         | Trang | Nữ        | 18.02.1992 | Hải Phòng   |        |         |
| 7   | B00170 | Lê Thị Thu       | Trang | Nữ        | 17.10.2004 | Nghệ An     |        |         |
| 8   | B00171 | Nguyễn Thị Quỳnh | Trang | Nữ        | 03.11.2003 | Hà Tĩnh     |        |         |
| 9   | B00172 | Nguyễn Thị Quỳnh | Trang | Nữ        | 18.10.2004 | Bắc Ninh    |        |         |
| 10  | B00173 | Hoàng Huyền      | Trang | Nữ        | 28.05.2003 | Hà Nội      |        |         |
| 11  | B00174 | Chu Văn          | Trúc  | Nam       | 25.02.2003 | Hà Nội      |        |         |
| 12  | B00175 | Nguyễn Minh      | Trung | Nam       | 10.12.1990 | Hà Nội      |        |         |
| 13  | B00176 | Vũ Thế           | Vinh  | Nam       | 11.02.2002 | Hải Phòng   |        |         |
| 14  | B00177 | Ngô Thị Hà       | Vy    | Nữ        | 29.09.2004 | Thái Nguyên |        |         |
| 15  | B00178 | Trần Thị         | Xuân  | Nữ        | 16.05.2004 | Nghệ An     |        |         |
| 16  | B00179 | Nguyễn Hải       | Yên   | Nữ        | 10.08.1996 | Hà Nội      |        |         |
| 17  | B00180 | Nguyễn Thị Hải   | Yên   | Nữ        | 10.01.2004 | Bắc Giang   |        |         |
| 18  | B00181 | Phạm Thị Hải     | Yên   | Nữ        | 05.10.1987 | Hòa Bình    |        |         |

Số thí sinh theo danh sách: 18

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....*

Số thí sinh dự thi:

**Giám thị 1**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giám thị 2**  
(ký và ghi rõ họ tên)